

## ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO VỚI CUỘC LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU CỦA HAI DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ 1858 - 1930

ĐINH KUÂN

Cho tới những năm 60 của thế kỷ XIX, đường biên giới giữa hai nước Nam và Lào vẫn chưa được xác định cụ thể. Phong kiến triều Nguyễn luôn nuôi tham vọng bành trướng về phía Tây, cả tới lúc thực dân Pháp là nước toàn bộ Nam kỳ và đang ráo riết xúc tiến đánh chiếm hai miền Trung - Bắc vua Tự Đức còn phái sứ thần sang Lào tranh chấp đất đai vùng Can Môn, Cát (1872) (1). Còn thực dân Pháp cũng có dã tâm lớn đối với Lào. Cho ngay sau khi làm áp lực quân sự buộc triều đình Huế khuất phục đầu (1884), chúng đã vội lợi dụng tư cách là «Nước bảo hộ Vương quốc An Nam» để lớn tiếng tuyên bố không bỏ qua các quyền lợi chính trị của nước này sườn Tây Trường Sơn, nghĩa là mặc nhiên công khai xác nhận quyền chiếm của chúng đối với những vùng đất của Lào bị triều đình Huế thôn tính từ trước. Tiếp đó trong cuộc tranh chấp với Xiêm trên đất Lào, chúng lại bắt triều đình Huế lên tiếng phản đối Xiêm để cho quân tiến sâu về phía đông, sát tới Trường Sơn (1889). Và tới năm 1893, sau khi thí hành kết hợp hàng loạt thủ đoạn sự và chính trị, chúng đã nuốt gọn toàn bộ nước Lào. Các vùng đất Lào kia bị triều đình Huế chiếm đóng nay đều nằm trong «Xứ Lào thuộc Pháp» bản Pháp đem đất các phủ Trấn Man (tây Thanh Hóa), các phủ Lạc Biên, Ninh, Trấn Biên, Trấn Định, Trấn Tĩnh (tây Nghệ An trước kia) hợp với đất khác đã chiếm được của Lào để thành lập khu vực Hạ Lào. Biên giới Lào ở phía Tây như vậy đã được hoạch định có lợi cho đế quốc Pháp xương máu của nhân dân hai nước.

Thời kỳ này, kẻ thù chung của cả hai dân tộc Việt - Lào là chủ nghĩa đế quốc Pháp xâm lược. Cho nên nếu như trước kia dưới thời vua chúa phong kiến còn thống trị mà giữa nhân dân hai nước trên vùng biên giới một cách tự nhiên đã có những mối quan hệ chiến đấu cần thiết thì đến lúc này bất chấp mọi thủ đoạn chia rẽ dân tộc thâm hiểm của kẻ thù chung, nhân dân hai nước trên biên giới càng có ý thức hơn trong việc ủng hộ, giúp đỡ nhau chiến đấu. Họ đã khẳng định rằng quá trình đế quốc Pháp xâm nhập bán đảo Đông Dương

1. Tức các vùng Khăm Muộn, Khăm Cốt trên bản đồ. Tự Đức đã cử Lê Linh Hào đầu phái đoàn ngoại giao. Việc làm này đã bị nhiều người thời đó kịch liệt lên án số đó có nhà văn thân yêu nước Nguyễn Xuân Ôn, sau này đã trở nên nội lĩnh vương của Nghệ Tĩnh.

à trình phát triển nhanh chóng từ « tự phát » lên « tự giác » của mối liên chiến đấu giữa ba dân tộc trên bán đảo. quá trình chuyển biến đó cuối đã hoàn thành khi Đảng Cộng sản Đông dương ra đời vào đầu năm 1930 dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử đấu tranh chống chủ nghĩa đế chung cho cả ba dân tộc.

Có một điều kiện vô cùng thuận lợi trong việc hình thành sớm, củng cố và triển mành cuộc liên minh chiến đấu Việt—Lào. Đó là nhân dân hai nước trên vùng biên giới Việt—Lào có với nhau những mối liên hệ mật thiết về g tộc, về huyết thống, về sinh hoạt kinh tế... Lịch sử cho biết rằng những diuym cư liên tục đã xảy ra trên vùng biên giới Việt Lào trải qua các cuộc tranh Lê—Mac (thế kỷ 16), Trịnh—Nguyễn (thế kỷ 17—18), rồi tiếp đến là quân Cờ Đen, Cờ Vàng... từ Trung quốc tràn xuống (1871—1879) đã gây nên sự xáo động lớn trong sự phân bố dân cư ở đây.

Cũng như để điểm phân bố dân cư dọc theo vùng biên giới hai nước là địa cư trú của một số dân tộc (như Mèo, Dao, Thái...) không chỉ giới hạn trong vì một quốc gia mà nằm trên đất của cả hai nước.

Sau khi một mặt dùng áp lực quân sự buộc triều đình Huế liên tiếp ký các ước Hác—măng (Harmand) ngày 25—8—1883 và Pa-to-nôt (Patenotre) ngày -1884 xác định quyền thống trị lâu dài của chúng ở Việt Nam, mặt khác dùng áp lực quân sự và chính trị buộc phong kiến Mãn Thanh (Trung ) lần lượt ký kết quy ước Thiên Tân (11—5—1884) đến Hiệp ước đình chiến -1885), rồi Quy ước Thiên Tân (9—6—1885) hoàn toàn nhượng bộ về vấn ệt Nam, từ bản Pháp đốc toàn lực vào việc giải quyết gấp rút vấn đề Việt rồi vấn đề Lào ở sau lưng Việt Nam. Trước tình hình o ép đó, bộ phận (Pháp) còn sót lại trong triều đình Huế do Tôn Thất Thuyết cầm đầu buộc hành động, nhưng do lực lượng chuẩn bị chưa đầy đủ nên đã thất bại chống (đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 tháng 7 năm 1885).

Sau khi dè bẹp được phải kháng chiến trong triều đình và nắm chặt được phong kiến bán nước bù nhìn do Đồng Khánh cầm đầu, giặc Pháp ra sức đẩy hoạt động quân sự trên chiến trường ngoài Bắc. Chúng tiến quân sâu dần ụng Tây Bắc, lần lượt chiếm Thanh Mai, Tuần Quán, Lào Cai, Phong thổ, ầu, Điện Biên Phủ, Sơn La. Nghĩa quân Việt Nam lúc đó do Nguyễn Quang cầm đầu đã hoạt động trên một địa bàn rộng lớn là vùng rừng núi biên ạy Bắc. Nơi cuốn đông đảo người Thái, Mèo, Dao cư trú xen kẽ trên cả hai biên giới, có nhiều quan hệ với nhau về chủng tộc, địa bàn cư trú, và có kẻ thù là thực dân Pháp xâm lược.

Trong lúc chiến sự đang diễn ra ác liệt trên vùng biên giới Tây Bắc như vậy h hình trên đường biên giới phía tây và tây—nam cũng có nhiều điểm đáng Lúc này, sau khi kinh thành Huế đã bị Pháp chiếm (5—7—1885), Tôn Thuyết và vua Hàm Nghi đã phải chạy ra vùng sơn phòng tỉnh Quảng trị tây Bình Trị Thiên), từ đó băng qua các làng Mai Lộc, Bằng Mai, Bằng Sơn, ều Mai Lĩnh lên Lao Bảo (27—7—1885), rồi xuyên đường rừng núi qua ng dân tộc thiểu số bên kia Trường Sơn, chạy qua các sách Bản Kiên, Thao tới vùng Mả Ha Xay (giáp giới Quảng Bình cũ), ngày 2—8—1885 tới

đất Cửa Châu (tên một làng thuộc địa phận tỉnh Savanaknet của nước Lào) đó lại tiếp tục cuộc hành trình về vùng bản Tong, đợi hết mùa mưa vượt đèo Quy Hợp để đặt chân vào sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh cũ (vùng Ấu làng Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Nghệ Tĩnh) vào cuối tháng 8 - 1885. Trong cuộc hành trình gian khổ này, vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết đoàn tùy tùng đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của các dân tộc cả hai bên s Trường Sơn (Văn Kiều, Tả Ôi, Ba Hi, Rục...) trong việc dẫn đường, làm nhiệm vụ cung cấp lương thực, giữ bí mật...

Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã quyết định dựa vào rừng núi và dân các tỉnh Quảng Bình (cũ), Hà Tĩnh (cũ) và tỉnh Khâm Muộn (Lào đề (đề) công cuộc kháng chiến lâu dài, mãi cho tới tháng 11 - 1888 vua Hàm Nghi thực dân Pháp bắt thi phong trào vùng này mới chấm dứt. Cũng trong thời này, nghĩa quân Hương Sơn - Hương Khê dưới sự lãnh đạo của Phan Đình Phùng đầy mạnh hoạt động tại vùng rừng núi phía tây Hà Tĩnh (cũ) Từ cả Vụ Quang (huyện Hương Khê), Nghệ Tĩnh, nghĩa quân Việt Nam đã phối chặt chẽ với nghĩa quân Lào để chặn đánh quân Pháp từ đèo Mu Giavà đèo Hợp vượt Trường Sơn đánh sang đất Lào chiếm vùng Khem ma rạt. Cũng trong trận thắng Hà Trai (nay là Sơn Tây, huyện Hương Sơn) đánh địch từ Pê (Lào) kéo sang Hương Sơn (Hà Tĩnh cũ) ngày 2-6-1890 đã có sự phối của nghĩa quân hai nước trên vùng biên giới. Suốt trong thời gian hoạt động người chỉ huy quân thứ Tĩnh Diệm (Diệm thứ, nay là Sơn Diệm, Hương Sơn) Cao Đạt chịu trách nhiệm đảm bảo sự liên lạc với Lào - Xiêm để mua súng vũ khí. Trong một bức điện của Khâm sứ Trung kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 16-10-1895 khẳng định: « Những chuyến đi lại của Cao Đạt giữa Trung kỳ và Lào, cũng như mối quan hệ giữa Cao Đạt với các nhà cầm quyền Xiêm có từ lâu. Những chuyến đi đó đã được mật báo nhiều lần trong những năm 1891, 1894. Mục đích của những chuyến đi đó thường là mua sắm vũ khí được ở Nông Khay, La Khôn và của người Xiêm » (2)

Nghĩa quân Việt Nam, để duy trì lâu dài cuộc chiến đấu đã vận động hoạt động trên địa bàn rừng núi các tỉnh Quảng Bình (cũ), Hà Tĩnh (cũ) và Khâm Muộn (Lào). Giặc Pháp đã thừa nhận: « Nếu ta tiến đánh họ (chỉ nghĩa quân Hà Tĩnh thì họ rút vào Quảng Bình, ngược lại nếu đánh từ Quảng Bình thì họ lại rút ra Hà Tĩnh một cách an toàn. Sau cùng, nếu ta cùng lúc tấn công hai phía thì sau lưng họ là những dãy núi hiểm trở dẫn họ đến xứ Mường xứ Lào » (3). Tài liệu điều tra thực địa còn cho biết thêm rằng căn cứ Vụ Quang của nghĩa quân Hà Tĩnh chỉ cách đường biên giới Việt - Lào có 8 kilômét, và Vụ Quang có những dòng họ gốc Lào sang sinh cơ lập nghiệp từ lâu đời, trường hợp họ Bùi, cũng như khẳng định rằng đồng bào Ca Đốc, Nà Thôn (

(2) Hồ sơ của Phủ thống sứ Bắc kỳ (Dẫn theo Mai Hạnh, trong « Về giai đoạn chiến cuối cùng của nghĩa quân Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo », Nghiên cứu lịch sử số 85 tháng 4-1966.

(3) Göttsch-Loth (Charles Goselin) - Đế quốc An Nam (L'Empire d'Annam), Nxb E. Guillaumin và Công ti, Paris, 1904.



ng trên vùng biên giới Việt—Lào đã giúp đỡ rất nhiều cho nghĩa quân Đinh Phùng trong những ngày chiến đấu gian khổ ở căn cứ Vụ Quang. Ở phương trào Nghệ Tĩnh tan rã thì có một số tướng lĩnh và nghĩa quân ở biên giới sang Lào, sang Xiêm để trốn tránh sự khủng bố đàn áp man quâm thù, hiện nay tại tỉnh Bô-ô-khăm-xay (Trung Lào) còn một số gia đình cháu những người đã từng tham gia phong trào chống Pháp cuối thế

Đ.  
Đi xa hơn ra phía Bắc, chúng ta thấy trong sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Cần Vương tỉnh Thanh Hóa cuối thế kỷ 19 có sự ủng hộ mạnh mẽ và hiệu quả của nhân dân Lào, cũng như rừng núi trên vùng biên giới phía tây đã từng là bàn hoạt động chủ yếu của phong trào.

Căn cứ Mã Cao của Hà Văn Mao (nay thuộc xã Yên Giang, huyện Thiệu Yên) ở tây tỉnh Thanh Hóa, cũng như căn cứ Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân (nay ở huyện Vĩnh Lộc) đều có đường thông trực tiếp với Lào, còn căn cứ Sầm của Cầm Bá Thước lại nằm ngay trên đất Lào (vùng Mường Hồ) (4)

Có thể khẳng định rằng phong trào Cần Vương miền Trung nói chung, phong trào Thanh—Nghệ—Tĩnh nói riêng—sở dĩ kéo dài được tới những năm cuối thế kỷ 19, một lý do quan trọng là vì nghĩa quân đã biết dựa vào nước Lào anh em sau để duy trì cuộc chiến đấu.

Năm 1893 tư bản Pháp đã ký với Xiêm một hiệp ước đặt các vùng đất của họ phía đông sông Mê-kông dưới quyền cai trị của chúng, còn các vùng đất ở phía tây thì sát nhập vào lãnh thổ Xiêm.

Đó là một điều kiện vô cùng thuận lợi cho chúng để hoàn thành việc bình định Việt Nam đã kéo dài non 10 năm trời, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề và trở đi hai dân tộc Việt—Lào cùng thân phận nô lệ cho một kẻ thù chung là kẻ thù thêm gần bó trong sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc Pháp. Trong những năm đầu tranh đấu của nhân dân hai nước phát triển mạnh mẽ và liên tục (từ những năm đầu thế kỷ 20 đến khi Đảng Cộng Sản Đông Dương ra đời năm 1930), nếu chỉ nói tới những cuộc đấu tranh của các dân tộc sinh sống ngay vùng biên giới Việt—Lào nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhau và có quan hệ mật thiết với nhau, trước hết có phong trào của dân tộc Lào Thương do Kẹo và Comma đăm lãnh đạo, bùng nổ từ cuối năm 1901 và kéo dài suốt hơn 30 năm trên cao nguyên Bô-lô-ven—Xa-ra-ven, cùng lúc với phong trào đấu tranh của các bộ lạc trên Tây nguyên của Việt Nam do tù trưởng I-Rô-lô tộc Xê-đăng lãnh đạo. Nghĩa quân Xê-đăng đã phối hợp chặt chẽ với nghĩa quân Lào Thương bên kia biên giới trong cuộc tấn công san bằng đồn canh Công của kẻ thù trên ngã ba sông Krong-poco và Dak—Psi (27—5—1901).

Trong phong trào Phan Bội Châu, con đường Lào có một vai trò đặc biệt quan trọng. Một số người yêu nước đã bí mật vượt biên giới qua Lào, rồi từ đó đi Thái Lan, Trung Quốc để hoạt động cách mạng.

Cùng lúc với sự xuất hiện các hội công nông thương ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 20 để phục vụ cho cuộc vận động cách mạng thì tại Viêng-chăn

4) Các thư tịch và bản đồ cũ đều có ghi châu Sầm (hay châu Khâm) của người Ma ở miền Tây đất Thanh Hóa, thuộc vùng thượng lưu sông Mã.

(Lào) cũng có thành lập Nam hiệu hội của kiều bào Việt Nam trên đất Lào. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 — 1918), đảng viên Việt Quang phục hội là Trần Hữu Lực được phân công phụ trách « Tây lộ » (con đường phía tây) với dự định mượn con đường Lào bí mật chuyển vũ khí về miền Việt Nam, liên lạc với các cơ sở cách mạng của hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi chuẩn bị bạo động (11—1914). Căn cứ vào tài liệu của Pháp (6) thì Trần Hữu Lực đã đưa một đội quân 60 người có trang bị vũ khí đầy đủ về tập trung ở khu rừng Lao (hay La Tcha?) và Mang Mo gần Paklay nằm trên đường Viêng Chăn và Luông Pha Băng.

Chỉ hơn một năm sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ hàng loạt biên giới Việt—Lào đã xảy ra cuộc phá ngục Lao Bảo (Quảng trị cũ) ngày 9—1915, dưới sự lãnh đạo của Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện, tù nhân ở Lao đã nổi dậy phá ngục, cướp khí giới, chiếm thành, sau đó theo con đường Con—Lao Bảo rút lên phía tây bắc Sê Pôn, rồi cứ hiềm trong bản Ta Cha tỉnh Sa-va-na-khet. Dựa vào rừng núi hiểm trở trên vùng biên giới lại được giúp đỡ tích cực của nhân dân Lào trong vùng, nghĩa quân Việt Nam đã xây dựng công sự chiến đấu và chống cự lại kịch liệt khi giặc Pháp truy kích đến. Ngày 25—10, một đoàn vận tải của giặc trên đường từ bản Ta Cha về bản T đã bị nghĩa quân chặn đánh; nhưng sau đó do thế yếu nên nghĩa quân phải về vùng A Xôi, rồi tan vỡ trước sự truy lùng ào liệt của quân thù. Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện đều hy sinh trong chiến đấu.

Con đường Lào phía sau lưng các tỉnh phía nam Trung kỳ từ sau cuộc khởi nghĩa thất bại của thực dân Pháp năm 1908 vẫn được các nhà yêu nước Việt Nam sử dụng để nối liên lạc với bên ngoài.

Cuối năm 1913, Nguyễn Công Mậu và Bùi Phú Thiệu đã theo đường Lào sang Xiêm gặp Trần Hữu Lực để bàn việc cứu nước theo đường đối nội đối ngoại, các lực lượng cách mạng trong nước có nhiệm vụ phối hợp kịp thời và mạnh mẽ với các đạo quân Quang phục vượt biên giới đánh về trong nước. Kết quả là đêm mồng 3 rạng sáng mồng 4 tháng 5 năm 1916, một cuộc khởi nghĩa—trước đây thường quen gọi là khởi nghĩa Duy Tân vì có sự tham gia của vua yêu nước trẻ tuổi—đã được phát động cùng lúc ở nhiều địa phương của Trung Kỳ (Huế, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi...), nhưng do bị chưa thật chu đáo, lực lượng còn yếu nên bị kẻ thù bóp chết nhanh chóng. Đến năm 1917, cuộc đánh đồn binh Pháp ở Hin Bun trên tả ngạn sông Mê-Thuộc đất Lào cũng bị thất bại, việc chuyển chở vũ khí về Nam Bộ bị lộ, chủ mưu là Trần Hữu Lực sau đó bị bắt phải tự tử, người đồng chí của ông là Nguyễn Sĩ Dực (đầu xứ Dực) cũng bị bắt đưa về nước.

(5) Báo cáo ngày 10-9-1912 của lãnh sự Pháp Li-ê-be (Liebert) ở Hương Cảng lưu trữ của Bộ Ngoại giao — Đông dương loại mới, 12, trang 39—40. Dẫn theo Boudarell (G. Boudarell) trong «Phan Bội Châu với xã hội của thời đại ông» Paris 1972.

(6) Thư của Lãnh sự Pháp Li-ê-be ngày 29-11-1914 (loại mới, trang 24). Đã dẫn sách trên.

ng trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, biên giới Tây Bắc còn kiến sự vùng dậy mạnh mẽ của các dân tộc trong vùng. Đây là hai quân ta 5 của thực dân Pháp, gồm đại bộ phận Phong Xa Lý (bắc Thượng Lào) Châu ((Việt Nam). Cư dân ở đây cả ở hai bên biên giới chủ yếu là người Tày thuộc hai quốc gia khác nhau, nhưng vì có chung một kẻ thù là chủ đế quốc Pháp, lại biết lợi dụng triệt để địa hình hiểm trở trong vùng, các ở Tây Bắc đã chớp lấy thời cơ nổi dậy vào đầu tháng 11-1914, do Lương nh cầm đầu. Nghĩa quân Thái đã đột nhập Sầm Nưa, giết tên đại lý Pháp, y công sở, kho tàng, tịch thu súng đạn và tiền kho, từ nay các dân tộc tự lấy mình, xông xuôi mới rút vào rừng sâu để bảo toàn lực lượng.

trước sức phản công ác liệt của giặc Pháp, nghĩa quân phải rút về phía lên Phủ (Mường Thanh), rồi đi sâu lên phía bắc về mạn Mường U, Chiềng (bờ sông Nậm U) tìm đường sang Lào. Trên đường đi, nghĩa quân đã kẻ thù sơ hở để đột nhập Phong Sa Lý, chiếm luôn bản Nưa, Mộc Pha (5). Nhưng rồi đến tháng 3-1916, trước sự phản công dữ dội của kẻ thù với nghĩa đã tan rã sau gần năm rưỡi trời chiến đấu quyết liệt.

vi nghĩa của đồng bào vừa chấm dứt chưa được bao lâu thì đồng bào ng trên vùng biên giới Tây Bắc đã vùng dậy đấu tranh. Từ giữa năm 1910 lời kêu gọi của một thanh niên nông dân Hơ-mông quê ở Điện Biên Giang Tả Chay, dân tộc Hơ-mông cùng các dân tộc khác sinh sống trên iên giới Tây Bắc đã sôi nổi đứng dậy đánh Pháp. Tháng 7 năm đó, đã nổ bạo động của người Hơ-mông và người Dao trên cao nguyên Tả Phình hĩa, Hoàng Liên Sơn), nhưng vì lực lượng còn non yếu nên bị đàn áp Đến cuối tháng 10, người Hơ-mông vùng Điện Biên Phủ (Lai Châu) lại nổi phong trào chống Pháp vùng cao ngày càng phát triển nhanh chóng lan on Lai, Lai Châu, sang cả miền Thượng Lào, tỏa khắp một vùng rộng gồm thượng lưu sông Nậm U, Trấn Ninh, Sầm Nưa, Điện Biên Phủ. Phong ất dân tình chất địa phương để trở thành một cuộc khởi nghĩa rộng lớn e dân tộc miền núi rừng Tây Bắc hai bên vùng biên giới chống kẻ ng là chủ nghĩa đế quốc Pháp. Nhưng trước sự đàn áp khủng bố ác liệt thù đã kết hợp chặt chẽ các thủ đoạn cần quét đàn áp quân sự, phá hoại với các thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, chia rẽ về chính trị, lực lượng quân ngày càng suy yếu dần, và cuối cùng tan rã sau gần 3 năm chiến n cường bất khuất (3-1921). Còn người thủ lĩnh tối cao của phong trào y Tả Chay thì mặc dù thực dân tung tin là bắt giết rồi, nhưng sự thật khi phong trào tan rã ông đã mất tích, có thể là ông đã được nhân dân g chở che, bảo vệ nên vẫn giữ được bí mật cho tới lúc chết.

ến tranh thế giới thứ nhất kết thúc vào tháng 11-1918. Nhằm gấp a găm vết thương chiến tranh và khôi phục địa vị kinh tế trong i tư bản chủ nghĩa sau chiến tranh, thực dân Pháp ra sức đẩy mạnh chai thác thuộc địa ở Đông dương trên qui mô lớn, với tốc nh hơn so với trước. Từ 1919 trở đi, đầu tư mạnh vào các ngành



nông nghiệp (phát triển đồn điền cao su), khai mỏ chi Phong chiêu mộ th Neng, xây dựng một số xí nghiệp, mở đường giao thông, tư bản Pháp c cầu ngày càng lớn về nguồn nhân công tuyền mộ chủ yếu từ Việt Nam. Một bộ phận đáng kể của lực lượng công nhân người Việt này đi ở lại trên đất Lào, trở thành kiều bào Việt Nam ở Lào.

Từ sau khi Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội được thành Quảng Châu (Trung Quốc) vào tháng 6-1925 phái cán bộ về hoạt động kiều bào Việt Nam ở Thái Lan và Lào, phong trào cứu quốc của kiều bào càng đi vào tổ chức. Chi bộ thanh niên ở Phi Chit (Thái Lan) có nhiệm v mạnh công tác vận động kiều bào ở Lào. Thông qua con đường Lào, chi bộ niên và tổ chức quân chủng hội *Thần đi* của Việt Kiều ở Lào bảo đảm li với trong nước, đưa đón cán bộ trong nước ra cũng như ngoài nước về, tạ kiện thuận lợi cho cách mạng hai nước cùng phát triển.

Căn cứ vào những sự kiện giới thiệu sơ lược trên, rõ ràng đường bi Việt—Lào có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng trong sự phát triển liên minh chiến đấu của hai dân tộc. Ngay từ những ngày đầu củ ng quốc phương Tây xâm nhập bán đảo Đông Dương, vị trí chiến lư đã quan trọng và càng về các thời kỳ sau vị trí chiến lược đó càng t quan trọng hơn. Bằng thực tiễn chiến đấu giữ nước và cứu nước oai của mình, nhân dân hai nước Việt Lào đã nhận thức sâu sắc rằng chỉ điều kiện hai dân tộc liên minh đoàn kết, hợp tác hữu nghị thì con đườn giới mới phát huy được hết thế mạnh của nó về các mặt, chủ yếu về mặ sự, để góp phần to lớn vào việc ngăn chặn, đánh bại kẻ thù chung của dân tộc, bất kỳ chúng từ đâu tới.

Nhân dân hai nước Việt—Lào đã cùng nhau kề vai sát cánh, đng cao khổ trong cuộc đấu tranh lâu dài và quyết liệt chống lại mọi lực lượng và đã đi tới thắng lợi. Trên cơ sở đó, Hiệp ước hoạch định biên giới qu nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân ch dân Lào đã được ký kết ngày 17 tháng 7 năm 1977, «khẳng định quyết tậ dựng biên giới Việt Nam—Lào thành biên giới hữu nghị anh em lâu đ hai nước», «một biểu hiện tốt đẹp của việc giải quyết vấn đề lợi ích dân t tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính vì chủ quốc tế trong sáng, là mẫu mực về chính sách láng giềng hữu ng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa d nhân dân Lào».